

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ THUẬN AN  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

Bản án số: 30/2025/LĐ-ST

Ngày: 07-02-2025

V/v tranh chấp về yêu cầu tuyên  
bố hợp đồng lao động vô hiệu

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Võ Thị Thu Thảo

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Phạm Thị Thu Yến – Nguyên phó Trưởng  
Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội thành  
phố Thuận An;

2. Bà Nguyễn Thị Kim Thu- Nguyên trưởng phòng  
lao động thương binh và xã hội thành phố Thuận  
An.

***- Thư ký ghi biên bản phiên tòa:*** Ông Thái Vương Triều là Thư ký Tòa án  
nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình  
Dương tham gia phiên tòa:*** Bà **Bùi Phương Uyên** – Kiểm sát viên.

Vào ngày 07 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố  
Thuận An xét xử sơ thẩm vụ án lao động thụ lý số 369/2024/TLST-LĐ ngày 06  
tháng 11 năm 2024 về “Tranh chấp về yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô  
hiệu”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2025/QĐXXST-LĐ ngày 16  
tháng 01 năm 2025, giữa:

Nguyên đơn: Bà Chiêm Thị C, sinh năm 1988; địa chỉ: Tổ G, khu phố T,  
thị trấn S, huyện H, tỉnh Kiên Giang, có đơn xin vắng mặt.

Bị đơn: Công ty TNHH S; địa chỉ: Đường T, khu phố H, phường T, thành  
phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Vương Thanh T, năm sinh 1984;  
địa chỉ: G đường Đ, Tổ C, Khu phố E, phường H, thành phố T, tỉnh Bình  
Dương, là đại diện theo ủy quyền, có đơn xin vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Phạm Thị H, sinh năm 1983; địa chỉ: A tổ H, khu phố Đ, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương, có đơn xin vắng mặt.

Bảo hiểm xã hội thành phố T; địa chỉ: Đường N, phường L, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo pháp luật ông Nguyễn Văn D - phó giám đốc.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Chiêm Thị C trình bày:*

Năm 2008 bà Chiêm Thị C có cho cháu gái là bà Phạm Thị Hồng M hồ sơ để bà H xin việc tại Công ty TNHH S. Bà H làm việc tại Công ty TNHH S từ tháng 12/2007 đến tháng 3/2008 với tên của bà C. Trong khoảng thời gian này, bà C đang làm việc tại một công ty khác. Đến nay do cần rút bảo hiểm 01 lần nhưng khi thực hiện thủ tục rút bảo hiểm thì có sự trùng lặp hồ sơ bảo hiểm nên không thể rút bảo hiểm được. Do nhiều lần liên hệ Bảo hiểm xã hội để giải quyết vấn đề bị trùng thời gian tham gia bảo hiểm nhưng không được và được hướng dẫn khởi kiện đến Tòa án để giải quyết về hợp đồng vô hiệu. Nhận thấy việc bà Phạm Thị Hồng M chứng minh nhân dân của nguyên đơn để ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH S sai quy định, ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

Tuyên hợp đồng lao động giữa người lao động Chiêm Thị C (do bà Phạm Thị H là người ký kết) với người sử dụng lao động Công ty TNHH S từ tháng 12 năm 2007 đến tháng 3 năm 2008 là vô hiệu.

Do bà Chiêm Thị C đồng ý cho bà Phạm Thị H sử dụng hồ sơ của mình để làm việc tại Công ty TNHH S dẫn đến việc trùng lặp quá trình đóng bảo hiểm xã hội là do lỗi của nguyên đơn nên nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ án phí lao động sơ thẩm.

Quá trình tố tụng, nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và giữ nguyên toàn bộ yêu cầu khởi kiện.

*Quá trình tố tụng bị đơn Công ty TNHH S trình bày:* Công ty TNHH S và bà Chiêm Thị C có ký hợp đồng lao động ở bộ phận may. Thời gian bà C làm việc tại công ty thì công ty có đóng bảo hiểm xã hội cho bà Chiêm Thị C đầy đủ từ tháng 12/2007 đến tháng 3/2008 khi bà C đến công ty làm việc thì bà C có cung cấp cho công ty hồ sơ xin việc gồm: sơ yếu lý lịch, giấy khám sức khỏe, giấy chứng minh nhân dân, đơn xin việc. Như vậy, toàn bộ hồ sơ xin việc đều là tên bà Chiêm Thị C. Do đó, hàng tháng công ty đóng bảo hiểm xã hội cho người lao động đều có tên bà Chiêm Thị C mà không phải là bà Phạm Thị H. Do bà Phạm Thị H có hành vi lừa dối sử dụng toàn bộ hồ sơ của người khác để giao kết hợp đồng lao động với công ty là hành vi trái pháp luật và công ty không thể biết việc làm trái pháp luật của H. Đến khi tòa án gửi Thông báo thụ lý đơn khởi kiện thì công ty mới biết, tại thời điểm tuyển dụng do cần nhiều công nhân lao

động phục vụ nhu cầu sản xuất nên công ty không thể biết được người lao động tại công ty là bà Phạm Thị H mà không phải là bà Chiêm Thị C. Do đó, công ty thống nhất với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn công ty không có yêu cầu phản tố đồng thời có đơn xin giải quyết vắng mặt

*Quá trình tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị H trình bày:*

Bà Chiêm Thị C và bà Phạm Thị H là quan hệ họ hàng. Năm 2007 do bà H chưa đủ tuổi lao động nên có mượn hồ sơ cá nhân của bà C để xin việc tại Công ty TNHH S. Trên thực tế bà H là người trực tiếp làm việc tại Công ty TNHH S từ tháng 12/2007 đến tháng 3/2008 thì nghỉ việc. Nay bà C yêu cầu tuyên hợp đồng lao động giữa bà Chiêm Thị C (do bà Phạm Thị H là người ký kết) với người sử dụng lao động Công ty TNHH S từ tháng 12/2007 đến tháng 3/2008 là vô hiệu thì bà H đồng ý. Bà H không yêu cầu gì đối với thời gian tham gia bảo hiểm này.

*Đại diện hợp pháp của Bảo hiểm xã hội thành phố T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt và có ý kiến trình bày như sau:*

**Khoảng thời gian** từ tháng 12/2007 đến tháng 3/2008 **bà Chiêm Thị C**, sinh ngày 01/01/1988 **tham gia bảo hiểm xã hội tại Công ty TNHH S** với mã số bảo hiểm xã hội 9107297177 và từ tháng 7/2007 đến tháng 3/2008 bà Chiêm Thị C tham gia bảo hiểm xã hội tại Công ty TNHH L với mã số bảo hiểm 9107150860. **Quá trình tham gia bảo hiểm cả 02 Công ty đều có tham gia Bảo hiểm xã hội**, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp, Bảo hiểm tai nạn lao động – Bệnh nghề nghiệp cho Chiêm Thị C, sinh ngày 01/01/1988, số căn cước công dân 091188006225, số chứng minh nhân dân 371369291. Cả 02 mã bảo hiểm đều đã được bảo hiểm xã hội xác nhận chốt sổ, chưa hưởng trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần và trợ cấp thất nghiệp.

- Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An:

Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với việc xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng quyền theo quy định pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ Điều 50, 51 Bộ luật Lao động năm 2019; Điều 127; Điều 131 của Bộ luật dân sự; Áp dụng Điểm a khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc tranh chấp hợp đồng lao động.

Về kiến nghị khắc phục: Không

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ tranh chấp:

Bà Chiêm Thị C khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên hợp đồng lao động giữa người lao động Chiêm Thị C (do bà Phạm Thị H là người ký kết) với người sử dụng lao động Công ty TNHH S từ tháng 12 năm 2007 đến tháng 3 năm 2008 là vô hiệu. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là “tranh chấp về yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu” được quy định tại khoản 1 Điều 32 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn Công ty TNHH S; trụ sở: Đường T, khu phố H, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thuận An.

[3] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án nguyên đơn bà Chiêm Thị C, bị đơn Công ty TNHH S người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà H và Bảo hiểm thành phố T có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[4] Về nội dung có yêu cầu: Bà Phạm Thị H sử dụng hồ sơ xin việc mang tên bà Chiêm Thị C để ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH S từ tháng 12/2007 đến tháng 3/2008, được công ty tham gia BHXH được thể hiện tại sổ bảo hiểm xã hội số số: 9107297177 cho bà Chiêm Thị C, đồng thời tại thời điểm tháng 7/2007 đến tháng 3/2008 Công ty TNHH L tham gia bảo hiểm cho bà C theo mã số bảo hiểm 9107150860. Qua tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và thông tin bảo hiểm xã hội cung cấp, có cơ sở xác định: Việc bà H sử dụng thông tin hồ sơ xin việc của bà C để giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH S là không đúng chủ thể xác lập hợp đồng, vi phạm nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, hợp tác, tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của nhau khi xác lập quan hệ lao động được quy định tại Điều 17 Bộ luật Lao động năm 1994 (Điều 15 Bộ luật Lao động năm 2019). Căn cứ Điều 132 Bộ luật Dân sự năm 2005 (Điều 127 Bộ luật dân sự năm 2015) yêu cầu tuyên vô hiệu hợp đồng lao động giữa người lao động có tên Chiêm Thị C và Công ty TNHH S từ tháng 12/2007 đến tháng 3/2008 là có cơ sở chấp nhận. Do hợp đồng lao động vô hiệu nên không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên tại thời điểm giao kết hợp đồng.

[4.1] Nguyên đơn chỉ yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu, ngoài ra không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu, từ chối nhận các quyền lợi có liên quan đến việc tham gia BHXH tại Công ty TNHH S. Đây là quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự theo quy định tại Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự, do đó Tòa án không xem xét giải quyết về hậu quả của hợp đồng vô hiệu. Bị đơn thống nhất yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không có yêu cầu phản tố. Trường hợp có phát sinh tranh chấp liên quan đến việc giải quyết hậu quả hợp đồng lao động vô hiệu thì được quyền yêu cầu giải quyết bằng vụ án khác. Sau khi Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật,

người lao động có quyền liên hệ cơ quan Bảo hiểm xã hội để được giải quyết các chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở nên chấp nhận.

[6] Án phí lao động sơ thẩm: Nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ án phí nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

Các Điều 5, 32, 35, 39, 147, 228, 238, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Các Điều 127 và Điều 132 Bộ luật Dân sự năm 2005;

Các Điều 9 Bộ luật Lao động năm 1994; Điều 50 và Điều 190 Bộ luật

Lao động năm 2019;

Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH1430/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Chiêm Thị C về việc “tranh chấp về yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu” đối với Công ty TNHH S.

2. Tuyên hợp đồng lao động giữa bà Chiêm Thị C (*do bà Phạm Thị H ký kết*) với Công ty TNHH S (thời gian làm việc từ 12/2007 đến tháng 3/2008) vô hiệu.

3. Về hậu quả của Hợp đồng lao động vô hiệu: Bảo hiểm xã hội thành phố T thực hiện các chế độ bảo hiểm xã hội đối với bà Chiêm Thị C theo quy định pháp luật.

Các bên có quyền và nghĩa vụ liên hệ cơ quan Bảo hiểm xã hội để thực hiện các thủ tục liên quan đến bảo hiểm theo quy định của pháp luật.

4. Về án phí lao động sơ thẩm:

Bà Chiêm Thị C tự nguyện chịu 300.000 đồng, khấu trừ toàn bộ vào tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005310 ngày 24/10/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thuận An.

5. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

*Nơi nhận:*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND Tp. Thuận An;
- CCTHADS Tp. Thuận An;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**Võ Thị Thu Thảo**